

Tình Đồng Đội Trong Một Thời Binh Lửa

*(Tặng các bạn Thiết Đoàn 3/KB và tưởng niệm
Trung Tá Trần Lý Hưng)*

Phạm Tín An Ninh (một người lính Bộ-Binh)

Đúng vào sáng ngày 30 Tết Nhâm Tý (1972) khi chuẩn bị cho buổi tiệc khao quân tất niên tại bản doanh Sông Mao, đơn vị tôi nhận lệnh phải di chuyển gấp lên An Khê để cùng Thiết Đoàn 3 Kỵ Binh tăng phái, thành lập một Chiến Đoàn Đặc Nhiệm, thay thế vị trí của một Lữ Đoàn thuộc Sư Đoàn 1 Không Kỵ Hoa Kỳ vừa rút quân về nước và làm lực lượng trừ bị ứng chiến cho Quân Đoàn. Thời điểm này, chúng tôi đã có một tiểu đoàn (4/44) ở An Khê, tăng phái cho Thiết Đoàn 3/KB từ hơn hai tháng trước.

Theo khẩu lệnh của Tướng Ngô Dzu, Tư Lệnh QĐ II, giai đoạn đầu, Chiến Đoàn phối hợp với Sư Đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn, hành quân táo thanh tiêu diệt các lực lượng địch nằm sâu dọc theo hai bên QL-19 và đảm trách giữ an ninh lộ trình con đường huyết mạch này từ chân Đèo An Khê đến Pleiku, để kịp thời cho các nhu cầu chuyển quân, tiếp tế lên chiến trường Pleiku và Kontum. Thời gian này Sư Đoàn 22/BB tại Bình Định đang bổ sung quân số quân dụng, chuẩn bị di chuyển lên Tân Cảnh để đối phó với tình hình đột biến. Một lực lượng lớn Cộng quân từ miền Bắc và Lào ào ạt xâm nhập qua biên giới, tăng cường cho Mặt Trận B-3 của Tướng CS Hoàng

Minh Thảo, trong ý đồ đánh chiếm Tây Nguyên.

Ông còn nhắc nhở chúng tôi, những khúc quanh từ An Khê đến Đèo Mang Yang là đoạn đường đầy hiểm nguy, tử địa, mà trước kia, tháng 6 năm 1954, Lữ Đoàn 100 Cơ Động, gồm nhiều đơn vị thiện chiến của quân đội Pháp đã phải thảm bại gần như tan rã, khi bị một lực lượng Việt Minh phục kích. Vị Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng và rất nhiều sĩ quan đã bị bắt sống, gây chấn động cả Đông Dương và nước Pháp.

Buổi tiệc khao quân tất niên bị hủy bỏ, thực phẩm được nhanh chóng phân phát cho binh sĩ và trại gia binh. Chúng tôi rời bản doanh Sông Mao lúc 12 giờ trưa. Chi Đoàn 2/ 8 TK tăng phái hộ tống lực lượng bộ binh đến Đèo Cả, ranh giới tỉnh Phú Yên. Sau đó được lực lượng Thiết Kỵ của Sư Đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn mở đường và đón đơn vị chúng tôi từ Đèo Cả đến Đèo Cù Mông, Bình Định. Nghỉ đêm và đón giao thừa tại Vạn Giã, sáng hôm sau tiếp tục di chuyển. Chúng tôi đến căn cứ An Khê lúc 4 giờ chiều ngày mùng một Tết.

Bộ Chỉ Huy "**Chiến Đoàn Đặc Nhiệm 44**" được nhanh chóng thành hình. Trung Tá Trần Quang Tiến, Trung Đoàn Trưởng 44/BB là Chiến Đoàn Trưởng, Trung Tá Trần Lý Hưng, Thiết Đoàn Trưởng TĐ. 3/KB là Chiến Đoàn Phó. Cá nhân tôi đảm trách Trưởng Ban 3 Chiến Đoàn. Một toán liên lạc của Sư Đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn, do một vị Đại Tá chỉ huy, được đặt bên cạnh BCH Chiến Đoàn. Ngoài Thiết Đoàn 3/KB, Chi Khu An Túc và hai tiểu đoàn Địa Phương Quân của TK Bình Định cũng được đặt dưới quyền chỉ huy, điều động của Chiến Đoàn.

Chúng tôi rất vui khi được hành quân phối hợp với Thiết Đoàn 3/KB, khi biết đơn vị Thiết Kỵ này được

mang biệt danh “Thiên Mã”, là một trong bốn Trung Đoàn Trung Đoàn 3 Thám Thính, thành lập từ năm 1954 tại Bắc Việt, là một đơn vị Thiết Kỵ quá đạn dày trong



chiến trận, và từng tạo nhiều chiến công hiển hách tại các chiến trường vang tiếng một thời: Pleime, Đức Cơ (1965), An Lão (1965) Bồng Sơn (1966), Trà Bá- Tét Mậu Thân tại Pleiku (1968) Dakto, Ben Het (1971). Khi ấy, Thiết Đoàn đã sáu lần được tuyên dương công trạng trước Quân Đội, nên tất cả các kỵ binh đều mang giấy biểu chương màu Bảo Quốc Huân Chương (*). Đặc biệt năm 1970 được Tổng Thống Hoa Kỳ trao tặng Huy chương President Unit Citation.

Ba hôm sau, Chiến Đoàn được lệnh tổ chức một cuộc hành quân khẩn cấp, giải tỏa hai căn cứ cấp đại đội của Sư Đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn trú đóng, nằm trên Đèo An Khê, vừa bị một lực lượng Công quân khá hùng hậu bất ngờ tấn công và đang vây hãm. Nhờ công sự rất kiên cố, nên bọn chúng không thể chiếm được mà chỉ bao vây,

gây thiệt hại cho quân sĩ trú phòng và tạo gián đoạn cho việc lưu thông trên QL 19. Hai căn cứ này nằm trong khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn Mạnh Hồ Đại Hàn. Sư Đoàn này đã phái một lực lượng tiếp ứng, nhưng bị phục kích, thiệt hại khá nặng. Lực lượng địch được ước tính gồm hai tiểu đoàn và một đại đội đặc công của Sư Đoàn 2 Sao Vàng.

Nhờ hỏa lực hùng hậu và những kỵ binh dũng cảm trên các chiến xa M-113 của Thiết Đoàn 3/KB, cùng các phi công tài ba gan dạ thuộc Phi Đoàn Mạnh Sư 243 (Phù Cát), sau những kế hoạch nghi binh, tạo các bãi đáp giả, lừa địch rất hiệu quả, từng đại đội bộ binh được tuyển lựa ra các binh sĩ trẻ, trang bị nhẹ, đổ xuống, vừa khép vòng vây vừa ngăn chặn lực lượng tăng viện của địch. Đại Đội 44 Trinh Sát nổi danh thiện chiến, với hai toán Viễn Thám được trang bị mặt nạ chống hơi ngạt, chia làm hai cánh bất ngờ nhảy xuống ngay sau lưng địch, từng toán nhỏ lao vào tấn công bằng hơi cay, lựu đạn, và cả M-72, dưới sự yểm trợ chính xác hữu hiệu của các trực thăng võ trang, nhanh chóng tiêu diệt hai cái chốt chặn của địch ở hai bên dốc đèo, làm đầu cầu cho lực lượng Thiết Giáp có bộ binh từng thiết, đồng loạt tấn công, nhanh chóng làm chủ chiến trường. Chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ, cả hai căn cứ đã được giải tỏa, địch quân tháo chạy, bị các đơn vị bao vây tiêu diệt, có mấy tên bị ta bắt sống. Chiến Đoàn đã ghi một chiến tích vẻ vang cho đầu năm mới.

Sáng hôm sau Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng, và Tướng Tư Lệnh Lực Lượng Đại Hàn tại Việt Nam từ Sài Gòn bất ngờ bay ra An Khê quan sát chiến trường và ngợi khen các đơn vị tham chiến. Vì lý do an ninh, không được báo trước, nên chỉ có vị Chiến Đoàn Trưởng, Chiến Đoàn Phó, Trung Tá Cố Vấn Mỹ,

vị Đại Tá Đại Hàn, đại diện Sư Đoàn Mãnh Hồ và cá nhân tôi (tháp tùng) ra đón hai ông Tướng tại sân bay. Sau đó dùng hai trực thăng, cùng bay xuống viếng thăm BTL/Sư Đoàn Mãnh Hồ, tại Bình Định.

Ngày 24.4.72, Tân Cảnh thất thủ, khi BTL/SĐ22BB bị địch quân tràn ngập, Đại Tá Lê Đức Đạt, vị Tư Lệnh liên sĩ và khí phách đã cùng đồng đội chiến đấu tới giây phút cuối cùng, và chấp nhận vùi thân nơi chiến địa, Trung Đoàn 44 chúng tôi có lệnh di chuyển khẩn cấp lên phi trường Cù Hanh, Pleiku để được không vận lên Kontum.

Chúng tôi ở An Khê chỉ gần ba tháng. Ba tháng cùng sinh hoạt và hành quân chung với Thiết Đoàn 3/KB. Nhưng từ vị Thiết Đoàn Trưởng đến tất cả các sĩ quan tham mưu và ở các Chi Đoàn đã để lại trong lòng chúng tôi sự kính mến vô bờ. Tôi nghĩ, có lẽ nhờ những đức tính của Trung Tá Trần Lý Hưng, một vị sĩ quan thâm niên, vốn xuất thân từ Trường Thiếu Sinh Quân với truyền thống “Nhân Trí Dũng”, nên đã tạo được một không khí thấm đẫm tình huynh đệ. Những kỵ binh ở Thiết Đoàn 3/KB đã rất may mắn, dù gian khổ hiểm nguy, nhưng được sống trong không khí thân tình, dễ thương đáng quý ấy, và đặc biệt có một cấp chỉ huy bình dị, hiền lành đức độ.

Cá nhân tôi chỉ là một sĩ quan của một đơn vị bạn, cùng hành quân hỗn hợp, nhưng ông luôn dành cho những tình cảm gần gũi, thân tình, quý mến tôi như người anh đối với một đứa em trong gia đình. Mỗi đêm, ông đều rủ tôi cùng đi một vòng với ông, kiểm tra các vọng gác trong căn cứ khá rộng lớn này.

Ông rất quan tâm việc phòng thủ, bởi hai tuần trước khi chúng tôi đến, một toán đặc công Việt Cộng hóa trang nấp dưới những cánh lục bình trôi theo con sông



bên cạnh căn cứ, bất ngờ xâm nhập, tấn công chiếm một phần vị trí của Pháo Đội A/233 Pháo Binh, phá hoại một khẩu 105 ly và làm thiệt mạng Đại úy Lê Hữu Chí, Pháo Đội Trưởng. Nhưng ngay tức khắc, bọn chúng đã bị lực lượng Thiết Giáp của Thiết Đoàn và Tiểu Đoàn 4/44 (đã được tăng phái từ trước cho Thiết Đoàn) kịp thời phản công, bao vây tiêu diệt gần như toàn bộ, những tên còn sống đều bị bắt. Ông tỏ ra rất buồn về sự kiện này.

Là một sĩ quan có thâm niên quân vụ từ khi mới mười lăm tuổi đời ở Trường Thiếu Sinh Quân Đông Dương Vũng Tàu, rồi sau đó tốt nghiệp với cấp bậc thiếu úy từ Trường Võ bị Địa phương Nam Việt Vũng Tàu, (*Nhạc sĩ Đại Tá Nguyễn Văn Đông thủ khoa khóa này*), từng làm huấn luyện viên cho Trường Võ Khoa Thủ Đức và được tôi luyện trong Binh chủng Thiết Giáp hào hùng, Trung Tá Hưng là một cấp chỉ huy thao lược, tài đức vẹn toàn.

Ngay từ buổi gặp gỡ ban đầu, hình ảnh của ông đã

in đậm nét trong lòng tôi, khi thấy ông đứng nghiêm đưa tay lên chào ông Trung Đoàn Trưởng của tôi theo đúng lễ nghi quân cách. Mặc dù cả hai đều mang cấp bậc trung tá, không biết vị nào thâm niên hơn, nhưng ông chào với danh nghĩa là một Chiến Đoàn Phó trình diện ông Chiến Đoàn Trưởng. Cử chỉ ấy đã làm cá nhân tôi và chắc hẳn hầu hết các sĩ quan của đơn vị tôi thán phục.

Mỗi buổi chiều, khi không bận hành quân, ông đều gọi tôi đến nhà ông dùng cơm. Gia đình ông ở một căn nhà gỗ trong căn cứ, do đơn vị Hoa Kỳ giao lại. Trên sân thượng có mấy chậu hoa quỳnh. Ông có thú trồng hoa, nhưng chỉ duy nhất có hoa quỳnh, nên rất am tường về loại hoa nở về đêm, và sớm nở tối tàn này. Nhìn nụ hoa, ông biết khi nào, chính xác hơn là giờ khắc nào, hoa sẽ nở. Mỗi kỳ hoa nở, sau khi cùng đi kiểm soát việc phòng thủ trong căn cứ, ông rủ tôi ghé lại nhà ông uống rượu (thuốc) và chờ đến nửa khuya để xem hoa quỳnh nở. Ông rất thích thú và trân quý những giờ khắc khi nhìn một cánh hoa quỳnh bắt đầu nở và từ từ bung ra. Đồi lính, với ông, ngoài đánh đấm, có lẽ đây là cái thú tiêu khiển duy nhất. Ông thường đem binh pháp trong Tam Quốc Chí phân tích cho tôi nghe, và bảo đó là những bài học rất hay để dụng binh. Một lần vợ tôi dẫn theo hai đứa con ra thăm, ông nhất quyết đón về ở chung nhà với ông và bảo vợ ông lo cơm nước. Tôi đi với vợ, tay xách theo hành lý, còn ông hai tay dắt hai đứa nhỏ, con tôi. Sau đó bọn nó cứ chạy theo đùa giỡn với ông. Hình ảnh đẹp đẽ ấy mãi in đậm trong lòng, tôi không thể nào quên được.

Vợ ông, chị Nguyễn Thị Công Nữ, rất bình dị hiền lành, không bao giờ xen vào công việc của chồng mình, và là một người nội trợ đảm đang. Tôi thích nhất là món

cá kho tộ của chị làm. Chị vốn là một nữ sinh rất nhu mì ở Chợ Nhỏ, Vũng Tăng Nhơn Phú, Thủ Đức, nơi một thời chàng sĩ quan trẻ Trần Lý Hưng làm huấn luyện viên cho Trường Võ Khoa Thủ Đức và sau đó là Trường Thiết Giáp. Một mối tình đẹp xảy ra ở vùng đất hiền hòa nhưng rất nổi danh này, bởi có rất nhiều chàng trai trẻ, bỏ sách đèn hội tụ về đây để theo việc kiếm cung, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ quê hương, đất nước.

Ngày chia tay để cùng đơn vị di chuyển lên chiến trường Kontum, ông Trung Đoàn Trưởng và tôi được Trung Tá Hưng mời đến ăn bữa cơm cuối cùng với ông. Lòng tôi thật buồn như sắp phải chia tay một người anh thân quý nhất. Trước giờ đơn vị tôi chuyển quân, ông đã đến tiễn đưa, bắt tay ôm lấy từng người trong anh em chúng tôi. Ai nấy đều lưu luyến cảm động. Tôi ôm ông mà giấu đi những giọt nước mắt. Nếu ai không từng là lính chiến, có thể không hiểu được những tình cảm đê huynh của chúng tôi dạt dào như thế.

Chỉ một ngày sau khi rời An Khê đến Kontum, đơn vị chúng tôi đã tạo một chiến thắng lẫy lừng khi đánh tan một lực lượng chiến xa và bộ binh địch thuộc Sư Đoàn Thép 320 CS từ Tân Cảnh tràn xuống với ý đồ chiếm lấy Kontum. Lần đầu tiên tại chiến trường Quân Khu 2, chúng tôi bắn cháy sáu chiếc, và bắt sống ba chiến xa T-54 của địch. Tướng Nguyễn Văn Toàn, vừa nhận chức Tư Lệnh Quân Đoàn II, cũng đã rất xứng đáng là một vị tướng Ky Binh, khi đứng trên một M-113, đầu đội bê-rê đen, đến thăm chúng tôi, quan sát chiến trường đang còn đầy khói lửa, và gắn cấp bậc Đại tá vinh thăng cho vị Trung Đoàn Trưởng ngay tại mặt trận. Và chúng tôi rất bất ngờ khi nghe tiếng Trung Tá Trần Lý Hưng tìm vào tần số đặc biệt của đơn vị gởi lời chúc mừng và khích lệ anh em. Trong cảnh dầu sôi lửa bỏng,

nghĩa cử ấy đã làm chúng tôi cảm động. Nhưng chỉ sau đó vài tuần, chúng tôi lại được tin ông bị thương khi chỉ huy Thiết Đoàn bất ngờ đánh vào Tây Chư Pao. Để hoàn thành nhiệm vụ then chốt này, Thiết Đoàn 3/KB đã cùng BĐQ xuyên rừng dọc theo con đường bỏ hoang 14 bis, đánh vào sau lưng đơn vị cộng quân đang che ngụy đèo Chư Pao, bắt tay được với Đại đội 44 Trinh Sát của chúng tôi, và thành công phá vỡ tuyến bao vây phía Nam Kontum, giải tỏa Quốc Lộ 14, con đường huyết mạch từ Pleiku đến Kontum để cho các đoàn xe lên tiếp tế đạn dược và thực phẩm cho đơn vị chúng tôi.

Sáu tháng sau, tình hình Kontum tạm yên, khi các đơn vị địch bị thiệt hại nặng nề, cần phải có thời gian ẩn quân để tái bổ sung, Trung Đoàn chúng tôi đặc biệt được Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn cho về nghỉ dưỡng quân một tháng tại Đồi Đức Mẹ Pleiku, như là phần thưởng dành cho một đơn vị góp nhiều chiến công và xương máu nhất để tạo nên một “Kontum Kiêu Hùng”. Chúng tôi đã tìm đến thăm ông. Lúc này ông không còn ở Thiết Đoàn 3/KB mà vừa được chuyển về làm Chỉ Huy Trưởng Trường Thiếu Sinh Quân Pleiku (Cao Nguyên), nơi những em TSQ Kinh Thượng nổi nghiệp ông để trở thành những cấp chỉ huy lỗi lạc sau này. Và với cương vị mới, ông càng xứng đáng là một vị “su huynh” hết lòng dìu dắt, yêu thương em út, đem bao nhiêu kinh nghiệm chiến trường và cả tình “huynh đệ chi binh” tô đậm thêm nét son truyền thống “Nhân Trí Dũng” của Thiếu Sinh Quân.

Gặp lại chúng tôi ông mừng rỡ, ôm lấy từng người. Nhưng mắt ông bỗng nhòa lệ, khi nhắc tên hai người bạn thân của chúng tôi đã hy sinh trên chiến trường Kontum. Thiếu Tá Võ Anh Tài và Thiếu Tá Đặng Trung Đức, hai anh tiểu đoàn trưởng mà ông hằng quý mến

khi hành quân chung với Thiết Đoàn 3/KB ở An Khê. Điều làm chúng tôi bất ngờ và cảm động hơn, khi ông lấy từ trên bàn thờ Phật, đưa cho chúng tôi xem tờ giấy có ghi ngày tử trận của hai anh cùng với một số bạn bè và thuộc cấp của ông, và bảo là ông sẽ thắp hương cầu nguyện cho hai anh mỗi năm khi đến ngày này. Một nghĩa cử thật hiếm hoi của một cấp chỉ huy từ một đơn vị bạn mà chúng tôi may mắn được hành quân chung chỉ trong vòng ba tháng.

Trong thời gian chúng tôi ở An Khê, Thiết Đoàn 3/KB chỉ có 2 chi đoàn. Lúc ấy Chi Đoàn 1/3 CX biệt phái cho Quân Đoàn I, kể từ khi tham gia cuộc hành quân Lam Sơn 719 Hạ Lào.

Trong Thiết Đoàn, chúng tôi có dịp gặp Thiếu Tá Nguyễn Văn Đêm, Thiết Đoàn Phó. Anh là người ít nói, nhưng nổi tiếng về sự can đảm và tài điều quân từ khi còn là một Chi Đội Trưởng. Sau này anh về chỉ huy Thiết Đoàn 8/KB, trực thuộc Sư Đoàn 23 BB của chúng tôi. Sau các cuộc hành quân, chúng tôi cũng thường đi chơi chung hay ngồi tán gẫu với bạn Trương Gia Lương, một sĩ quan trẻ giữ chức vụ Trưởng Ban 3 Thiết Đoàn kiêm Chi Đoàn Trưởng 3/3, anh có nhiều khả năng và trình độ Anh ngữ, được Trung Tá Hưng tin cậy, cùng các bạn Huỳnh Văn Mỹ, Nguyễn Văn Hội, Bùi Cán, anh Khôn, anh Phong và một vài bạn nữa mà vì thời gian quá lâu, tôi không còn nhớ tên. Người nào cũng gan dạ trên chiến trường và rất vui vẻ thân thiện trong tình anh em chiến hữu.

Từ ngày rời khỏi An Khê, chúng tôi không có dịp gặp lại những người bạn Kỳ Bình quý mến này.

Nhưng sau đó, vào tháng 4/74, chúng tôi rất vui mừng biết được anh Huỳnh Văn Mỹ, khi ấy còn mang cấp bậc trung úy, đã chỉ huy Chi Đoàn 2/3 TK, làm nổ



(Capt. Ferrara- Tr.úy Lương- Tr.Tá Hưng- 2/1972)

lực chính trong một trận chiến nổi danh, đánh tan hơn một trung đoàn của Sư Đoàn 2 Sao Vàng CS, khi bọn chúng chuẩn bị tấn công với ý đồ chiếm lấy Căn cứ Không Quân Phù Cát, nhằm uy hiếp tỉnh Bình Định, lợi dụng lúc Sư Đoàn 22/BB, vừa mới hồi sinh sau trận Tân Cảnh, đang phải đối mặt với một lực lượng lớn Cộng quân tại chiến trường cam go Bắc Bình Định. Cuộc phản công đánh phủ đầu tuyệt vời này theo kế hoạch và dưới sự chỉ huy tài tình thao lược của “Mãnh Sư” Trung

Tá Nguyễn Mạnh Tường. TK Phó/TK Bình Định, tạo một chiến tích lẫy lừng ghi đậm nét son trong quân sử VNCH.

Tháng 3/1975, trong cuộc di tản đẫm máu của Quân Đoàn II theo TL. 7B, đã kéo theo sự sụp đổ miền Nam, khi Lữ Đoàn II/KB bị Cộng quân bao vây, phục kích, gây thiệt hại nặng nề, Đại Tá Nguyễn Văn Đồng, Lữ Đoàn Trưởng bị bắt(?). Chỉ duy nhất Chi Đoàn 3/3 do Đại úy Nguyễn Văn Hội chỉ huy đã anh dũng chiến đấu và đưa toàn bộ chiến xa về tới Nha Trang, nơi tạm thời đặt BTL/QĐ II (di tản). Anh Hội đã rất xứng đáng khi được Tướng Tư Lệnh Phạm Văn Phú tiếp đón và gán cấp bậc Thiếu Tá, tướng thưởng công trạng thật xuất sắc của anh. Và có lẽ đó là người sĩ quan cuối cùng được thăng cấp thiếu tá vào giờ thứ 25 của cuộc chiến.

Riêng Trung Tá Trần Lý Hưng, khi bất ngờ nhận lệnh di tản, ông đã can thiệp xin cho các em Thiếu Sinh Quân được ưu tiên đi bằng máy bay, nhưng đến khi phi trường Cù Hanh gần như bị rối loạn, ông vẫn chưa nhận được một quyết định cụ thể nào. Ông tập trung tất cả các em lại và đau buồn báo tin “Pleiku di tản”, khuyên các em nên trở về với gia đình. Một số TSQ không có gia đình ở Pleiku, ông đã trực tiếp hướng dẫn, dìu dắt các em, vượt qua bao hiểm nguy chết chóc, nên có vài nhóm nhỏ bị thất lạc, nhưng cuối cùng đã về đến Trường TSQ/Vũng Tàu.

Sau ngày tan đàn xẻ nghé, mỗi người trôi dạt một phương, nhưng đều mang theo cùng một nỗi lòng và thân phận. Riêng tôi thì lưu lạc tận vùng Bắc Âu xa xôi lạnh giá nên lại càng khó có cơ hội để được gặp lại những anh em đồng đội cũ ở Thiết Đoàn 3/KB ngày nào, nhưng rồi tôi đã may mắn liên lạc được với Trung Tá Trần Lý Hưng, và các anh Trương Gia Lương, Huỳnh

Văn Mỹ. Tôi rất cảm động, vì dù mỗi người vẫn phải còn mang những vết thương không lành được trong lòng, nhưng tất cả vẫn còn giữ đầy hào khí của những người lính chiến, và nặng tình huynh đệ.

Trung Tá Hưng, sau hơn 9 năm 6 tháng bị đày đọa trong các nhà tù CS, ông trở về sum họp gia đình vào khoảng gần cuối năm 1984. Ngày 22.10.1996 đến Mỹ theo chương trình HO-44 và định cư tại Houston, Texas cùng vợ và năm đứa con. Bảy cháu lớn có gia đình còn ở lại Việt Nam.

Được nói chuyện vài lần. Mặc dù sau này sức khỏe ông kém đi nhiều lắm, nhưng ông vẫn tâm tình khá lâu, có lúc ngậm ngùi, nhưng cũng có lúc tôi nghe được tiếng ông cười, dễ thương độ lượng như ngày nào. Ông nhắc lại thời trận mạc, nhắc tới đơn vị chúng tôi, ông vẫn còn nhớ tên từng người trong anh em chúng tôi, và dừng lại xót xa khi chúng tôi nhắc đến một người nào đã không còn trên cõi đời này nữa. Ông còn cười đùa, mỗi lần tôi gọi ông là Trung Tá. Ông bảo, “bộ bạn không cho tôi được làm anh của bạn nữa hay sao?” Từ hôm ấy, tôi gọi ông bằng anh Hưng.

Đầu năm 2012, khi biết mình bị ung thư yết hầu trong thời kỳ không mấy hy vọng vào việc chữa trị, ông đã cùng bà về lại Việt Nam và ở lại đây gần một năm để vui cùng con cháu, mà ông nghĩ đó sẽ là cơ hội cuối cùng. Ông đã giấu tôi về căn bệnh hiểm nghèo. Tâm tình nhiều lần nhưng ông chỉ bảo là tuổi già nên hơi mệt. Tôi hẹn sẽ sang thăm ông vào mùa đông 2013, nhân một dịp đến Mỹ. Nhưng cuộc hẹn đó đã không thành. Ngày 2 tháng 7 năm ấy ông đã ra đi, để lại cho gia đình, bè bạn và tất cả những anh em đồng đội cũ lòng thương tiếc khôn nguôi.

Vẫn biết thế hệ những người lính ngày nào, giờ cũng

đã đến lúc xếp hàng để chờ đến lượt mình trút bỏ, trả lại cho thế gian này một cuộc đời tạm bợ với đầy những vui buồn đắng cay, hào hùng vinh nhục; nhưng sự ra đi của những người như Trung Tá Trần Lý Hưng đã thêm một lần nữa xác tín lời một bài hát rất xưa mà Tướng Douglas MacArthur đã dùng trong bài diễn văn đọc trước Lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ, ngày ông rời quân ngũ: “*Những người lính già sẽ không bao giờ chết mà chỉ mờ đi theo năm tháng - Old soldiers never die, they just fade aways.*”

Xin tạm biệt Anh Trần Lý Hưng, một Kỳ Binh khả kính, mà em vẫn còn nợ Anh món nợ nghĩa tình. Hẹn gặp lại Anh ở một nơi không có bom đạn, chết chóc, hận thù, và cũng không còn nghe thấy tiếng xích sắt của những chiến xa M-113, M-41, M-48 và của cả những T-54, T-59!

() Sau này Thiết Đoàn 3 KB đã tạo thêm các chiến tích lẫy lừng ở các trận chiến Nam Chư Pao, Đức Cơ (1972), Phù Cát (1974) và được thêm hai lần tuyên dương công trạng trước Quân Đội (tổng cộng: 8 lần), được mang giây biểu chương màu Tam Hợp.*

Chủ nghĩa tư bản không chia đều sự thịnh vượng, nhưng chủ nghĩa xã hội lại chia đều sự nghèo khổ.

– Winston Churchill cự thủ tướng Anh

Những Tấm Chân Tình

Huy Văn

Tôi choàng tỉnh khi xe dừng hẳn lại và mới biết là đã tới Mộ Đức. Thì ra giấc ngủ chập chờn tưởng chỉ mới thoảng qua không ngờ đã dài hơn ba tiếng trên đoạn đường khoảng chừng 150 Km mà trước đây đơn vị chúng tôi xuôi ngược không biết bao nhiêu lần. Khi lên xe tại Miếu Bông thuộc ngoại ô Đà Nẵng, tôi hy vọng sẽ có dịp nhìn lại phố xá Tam Kỳ, mới hôm nào còn là tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Tín. Nhưng không ngờ chỉ một lúc sau thôi là tôi đã thiu thiu ngủ gà ngủ gật nên không có cơ hội nhìn lại nơi Liên Đoàn 12 Biệt Động Quân và Trung Đoàn 5/ Sư Đoàn 2 Bộ Binh tất tả lui binh trong những ngày cuối tháng 3/1975. Tôi cũng không có cơ hội nhìn lại phố xưa Quảng Ngãi để thả chút nhớ nhung về chiếc quán cà phê thật dễ thương mang tên Diễm Xưa, nằm ngay phố chính và cũng là nơi Quốc Lộ 1 chạy ngang qua. Tài xế chiếc xe đò bị trưng dụng đã chọn xã Thạch Trụ của quận Mộ Đức, ngay tại ngã ba có Tỉnh Lộ 515 chạy lên quận Ba Tư, để nghỉ máy và ăn trưa. Lòng tôi chùng xuống để ngay sau đó tăng thêm nỗi buồn khi nhìn lại khung cảnh ven đường, đặc biệt là ngôi nhà ba tầng loang lổ, hoang tàn vì chiến tranh ở ngay đầu chợ và con đường đất dẫn vào khu gia binh của căn cứ hỏa lực Thăng Long, vốn là nơi đồn trú của một đơn vị Địa Phương Quân sau khi được một pháo đội của Hoa Kỳ bàn giao lại. Cảnh vật không có gì thay đổi nên nhớ càng thêm nhớ những ngày dưỡng



quân, ứng chiến ngay trên Quốc Lộ hay trong các làng mạc phía bên đường xe lửa xuyên Việt. Không thể quên một tà áo trắng mảnh khảnh gò lưng đạp xe trên con đê làng để đến ngôi trường hai gian và đám học trò bé nhỏ của lớp học mùa hè. Những gương mặt khác của Xóm Ao: dì Tư hàng xén, ông Tám say và người lão niên chăm sóc đền thờ thánh tổ họ Trần – Nơi những hậu duệ bao đời trong dòng tộc của Hưng Đạo Vương từng thiết tiệc đãi đấng nguyên một đại đội BDQ và làm đám cưới cho một người con gái trong làng với một chàng Mũ Nâu - không biết bây giờ họ ra sao? Tôi đang tàng ngẩn dỗi mắt nhìn theo hướng con đường, bây giờ chỉ còn tro đất đá, dẫn lên quận Ba Tư thì có một bàn tay vỗ nhẹ lên vai

-Chú Bảy biểu tui kêu anh vô quán ăn cơm.

Người lơ xe ngồi kế bên tôi suốt mấy tiếng vừa qua vừa cười vừa nói tiếp:

-Ông nói anh đừng ngại, mình với nhau mà!

Tôi cố nén ngạc nhiên và cảm động vì nghĩa cử bất

ngờ này.

-Mày anh ăn đi, tôi có chút ít để ăn dọc đường rồi.

Vừa nói tôi vừa lấy gói xôi từ trong ba lô ra ngay. Anh lơ xe thấy vậy nên quay lưng bước vào trong quán. Nhưng tôi mới gặm vài miếng thì anh quay trở lại, trên tay là một ly cà phê đá.

-Chú Bảy mời anh uống cho vui.

Tôi đưa tay đón nhận sau khi nói tiếng cảm ơn. “Minh với nhau mà!” anh bạn lơ xe vừa quay bước vừa lặp lại câu nói khi này, một câu nói đơn sơ nhưng đầy tình nghĩa. Bảy nhiều thôi cũng đủ nói lên thanh tình của những người dân còn nặng lòng với kẻ sa cơ thất thế của chế độ Cộng Hoà. Mấy chàng lơ gọi tài xế bằng chú. Như vậy trẻ lắm thì chú Bảy cũng đã trung niên. Ông là ai, làm gì trước đây? Câu trả lời đến từ chính chú Bảy. Trước khi lên xe, ông đến bên tôi mời một điều thuốc Bastos đầu lọc, nhét vào tay tôi tờ giấy một đồng – tương với 500 đồng của VNCH- bắt tôi phải nhận và nói:

-Bất đắc dĩ mới phải lấy chút tiền của anh. Tôi biết anh là ai. Nếu không nhờ hoãn dịch vì đông con thì tôi cũng đi lính lâu rồi. Chúc may mắn nha.

Chỉ có thế, nhưng tấm lòng của Dân dành cho Lính đã được bày tỏ thật nồng nàn và thắm thiết làm sao! “Quân và Dân như cá với nước”. Câu nói nghe có vẻ như chỉ để trang điểm cho bộ máy Tâm Lý Chiến trước đây đã trở thành một hiện thực rất đậm tình. Nhưng đã quá muộn màng khi nước đã mất, nhà đã tan và mọi biểu lộ tình cảm đều được biểu lộ ở mức gần như giới hạn nhứt nếu không muốn nói là càng kín đáo càng tốt!

Chiếc xe cứ thế xuôi nam và đám bộ đội – trông còn rất trẻ- cứ thế trầm trồ, suýt xoa và cười nói không ngớt. Với họ thì mọi thứ đều lạ mắt. Với tôi, hành trình

xuôi Nam này là một dịp khơi dậy những kỷ niệm đã có với đồng đội, bạn bè và những người dân địa phương tại những nơi tôi đã đi qua. Nếu không có những lá cờ của chế độ CS treo gắn đây đây và sự xuất hiện của chiếc nón cối và đôi dép Bình Trị Thiên ở khắp mọi nơi, thì quang cảnh ven đường từ Mộ Đức, Đức Phổ, Tam Quan, Hoài Nhơn, Bồng Sơn qua đèo Nhông về đến quận Phù Mỹ



- cũng như tại các nơi khác – không có gì thay đổi. Dấu tích chiến tranh vẫn còn. Bóng dừa vẫn xanh. Phố quận và người dân vẫn một vẻ bận rộn nhưng từ tốn trong sinh hoạt chợ búa hay đồng áng. Tôi thấy se lòng khi xe chạy qua ấp Diêm Tiêu của xã Mỹ Trinh, ngay phía bắc quận lỵ Phù Mỹ. Khu làng tị nạn chiến tranh của đồng bào chạy loạn từ các xã miền biển nằm tro tro ngay bên đường. Lúc xưa diêm Tiêu đã buồn thiu vì cảnh nghèo khổ, nay lại càng vắng vẻ như không còn ai cư ngụ. Cộng Sản đã đạt được mục đích. Người dân của miền Trung sỏi đá ngây thơ “nhảy núi” - để giúp đám nô bộc của thế giới đại đồng bức tử miền Nam VN - vẫn chưa

biết cái gọi là “làm theo năng xuất hưởng theo nhu cầu” mà Cộng Sản vẫn thường huyền hoang. Người vẫn khổ, phố vẫn buồn trong cảnh gượng sống.

Rồi cũng đến ngã ba An Nhơn, nơi có tỉnh lộ 441 dẫn vào Qui Nhơn và Quốc Lộ 19 chạy lên Pleiku. Xe dừng tại bãi đất trống bên đường để chỉ thả một mình tôi xuống. Lại thêm một lần bụi ngùi và cảm động khi chú Bảy – thay vì chạy ngay- đã cùng với các lơ xe của mình đến siết tay tôi nói lời khích lệ và chúc bình an. Xe đi rồi mà lòng tôi còn rung rung với tấm lòng và thanh tình của họ dành cho lính miền Nam. Hơn chín tiếng xuôi Nam. Vậy là tôi đã vượt khoảng 300 cây số qua những vùng đất đầy ắp kỷ niệm của thời quân ngũ. Đến lúc này mới thấm thía nỗi cô đơn và những tâm tình ngổn ngang khi tôi không biết phải làm gì ngoại trừ ngồi dưới gốc cây ven đường, nấp thuốc liên tục vào điều cày để rít cho đỡ buồn và đảo mắt nhìn chung quanh rồi dừng lại bên kia đường. Nơi đó là một khoảng đất rộng có trạm đổ nước làm nguội máy xe đò và bên xe lam đã chiến đấu chờ khách vào An Nhơn, Bà Gi hay xuống phố Qui Nhơn. Lại thêm một nơi quen thuộc của những Sinh Viên Sĩ Quan từ quân trường Đồng Đế tăng cường cho Tiểu Khu Bình Định trong công tác Chiến Tranh Chính Trị, nhằm giải thích hiệp định Paris đầu năm 1973. Đường xá vắng xe, cảnh vật thì như đang ngái ngủ. Thịnh thoảng cơn gió nhẹ lùa qua ngang Quốc Lộ và dây từng cơn bụi đất thành một bức màn nâu nhạt lớn vờn hòa trong màu nắng cuối xuân lúc sắp về chiều. Ba năm trước, quân xa và xe cộ tấp nập ngược xuôi, bây giờ mọi thứ im lắng đến tội nghiệp! Thời gian trôi không biết đã bao lâu. Khi nhìn lại mới thấy bóng cây đang ngả dài trên mặt lộ và màu nắng đã không còn trong trẻo như khi tôi mới xuống xe. Quay nhìn đồng

hồ trong chiếc quán sau lưng mới biết là đã đúng 5 giờ chiều. Hai tiếng chờ đợi một chiếc xe đường chưa đủ lâu để làm tôi nản chí, nhưng vẫn còn gần 600Km mới về tới nhà nên không thể không nao lòng. Cùng lắm thì vào Qui Nhơn. Biết đâu sẽ có xe đi vào các tỉnh duyên hải phía Nam. Tới đâu cũng được! Càng gần Sài Gòn càng tốt. Tôi vừa lan man nghĩ ngợi đến đây thì có một chiếc xe đồ rề rà tấp vào trạm đổ nước nguội máy. Vài người bước xuống đi loanh quanh, trong số họ có vóc dáng quen thuộc của một người bạn tù ở cùng “sam” lúc bị gom vào trung tâm huấn luyện Hoà Cầm ở ngoại ô Đà Nẵng.

-Anh Ân!

Tôi vừa reo lên, vừa xách ba lô phóng vội qua đường. Đúng là Trung Úy Dược Sĩ Hoàng Ngọc Ân. Anh quay lại nhìn tôi, cười rạng rỡ. Duyên tao ngộ trở thành một hạnh phúc âm lòng khi hai đồng cảnh gặp nhau lúc cô đơn nhứt trên hành trình tìm về mái ấm gia đình. Câu hỏi đầu tiên là chuyến xe của anh đi về đâu mặc dù tôi đã thoáng thấy hàng chữ sơn trên thân xe. “Ban Mê Thuộc”.

Anh Ân kéo tôi đi tìm tài xế vừa nói tiếp:

-Xe chở dân Hà Tĩnh, Ninh Bình và Nam định lên đó nhận đất canh tác. Họ nói là đến vùng kinh tế mới. Tới Ninh Hòa thì tụi mình xuống chờ xe vào Nha Trang.

Cũng như chú Bảy của chiếc xe trước, người tài xế của chiếc xe đồ mang tên Thuận Lợi nói ngay khi biết ý định của tôi:

-Tui không lấy tiền của ông đâu, chịu khó ngồi chậ một chút nghe!

Không cho tôi kịp nói lời nào, anh quay lưng đi vội vào trong trạm bơm nước. Anh Ân lập tức khều vai tôi nói nhỏ:

-Ông hên lắm nha! Tui tốn hết hai tờ 1 đồng cho cái ghé ở băng sau cùng đó!

Nhưng anh Ân nói tiếp ngay:

-Tay này chơi vậy cũng đẹp lắm rồi! Từ Đà Nẵng về tới Ninh Hòa cũng hơn 400 cây số chứ đâu phải ít!

Tôi gật đầu, đưa ba lô nhờ anh Ân giữ rồi bước qua bên kia đường. Khi trở lại, tôi trao gói thuốc Bastos đầu lọc cho người lơ xe đang đứng uống nước ngay trước trạm bơm nước. Người thanh niên hiểu ý, cười và cầm gói thuốc bước nhanh vào trong....

Có bạn đồng cảnh cùng đồng hành, chúng tôi tha hồ kể lể chuyện xưa rồi kỷ niệm lúc quen nhau trong trại tập trung Hoà Cầm. Khi chuyển lên vùng rừng núi Hiệp Đức thì tôi về trại 2, anh Ân “trả nợ” trong trại 5. Cả hai trại đều thuộc Tổng Trại 1 của Quân Khu 5 CS. Chúng tôi được phóng thích cùng ngày. Cũng như tôi, anh Ân quay lại Đà Nẵng để tìm một người bạn từng phục vụ trong Tổng Y Viện Duy Tân. Anh cho biết là đã cố chờ xe nào càng vào xa trong Nam càng tốt và đã bỏ những chuyến xe đò liên tỉnh hay chỉ chạy về tới Qui Nhơn.

-Nếu là tôi thì đã chọn chiếc nào về Qui Nhơn cho rồi, càng gần Sài Gòn càng tốt mà!

-Nhưng không hiểu sao tôi vẫn cứ chờ! Bởi vậy mới bắt được chiếc này và ...gặp ông! Đúng là mình có duyên.

-Phải, tôi cũng không ngờ.

-Có lẽ khi tôi nghe máy tay xe ôm và tài xế xe lam ở Miếu bông nói xe hàng và xe đò bị trưng dụng ra ngoài Bắc cả rồi nên chột nghĩ là có ra thì có vào. May là không uống công chờ đợi suốt hai tiếng đồng hồ.

-Quyết định thật đúng đắn!

-Và cũng thật “thuận lợi”!

Chúng tôi cùng bật cười sau câu nói của Ân. Vui

quá nên quên mất là ngay lúc xe rời ngã ba An Nhơn, chúng tôi có hẹn nhau cùng ngắm cảnh chiều tà trên đỉnh đèo Cù Mông và cũng là nơi phân chia ranh giới hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Thay vào đó là những câu chuyện buồn nhiều hơn vui trong thời gian “trả nợ quỷ thần”, trong đó có những thương cảm khi nhắc tới sự chết đuối của một người ở chung trại với anh Ân khi vùng núi đồi Hệp Đức bị lũ lụt hồi tháng 10 năm ngoái.

-Bọn khốn kiếp đó, nó thấy suối đã thành sông mà vẫn cố tình ép bọn tôi vượt suối rút mây. May là chỉ có một mình anh đó thiệt mạng thôi.

Anh Ân rít qua kẽ răng. Tôi cũng thở dài tiếp lời anh:

-Trại 4 của chúng tôi rất may mắn! Đó là nhờ mọi người kịp thời vọt qua ngọn đồi kế bên, nơi có kho gạo của toàn trại. Trên núi mà cũng bị lụt. Khó tin quá phải không?

Anh Ân chưa kịp đáp thì có tiếng của người lơ xe từ phía trên vọng xuống:

-Xe yếu bình, đèn không đủ sáng. Phải vào Tuy Hoà xạc điện nghe bà con!

Tôi và anh Ân nhìn nhau. Toàn là người phía bên kia vĩ tuyến 17. Có ai biết đâu là đâu mà họ phải thông báo! Khi nhìn nét mặt và nụ cười của người thanh niên dành cho chúng tôi thì mới hiểu chuyện: “bà con” ở đây chính là hai “Người Về Từ Đỉnh Núi” chúng tôi! Nhìn ra ngoài thì đã nhá nhem tối và xe thì đã rẽ vào con đường độc đạo dẫn vào thị xã Tuy Hoà nên không thể thấy được núi Nhạn ngay bên bờ Bắc của sông Đà Ràng. Gọi là núi nhưng cao độ chỉ vào khoảng 50 mét và có một tháp Chàm đã hoang phế nằm ngay trên đỉnh. Từ Quốc Lộ nhìn qua thì núi Nhạn trông giống như núi Bà Đen thu nhỏ. Nói theo dân gian thì núi Nhạn chẳng khác gì một nốt ruồi duyên diêm trên má của một giai

nhân tại vùng hạ lưu sông Đà Rằng là thành phố Tuy Hoà. Xe chạy vào hướng thị xã được một đoạn thì dừng lại ngay trước một ga ra chuyên sửa xe đồ, xe vận tải và cũng là một trạm xạc bình ắc qui. Phố vắng, người thưa nhưng bên kia đường, dưới ánh điện vàng vọt, đều hiu, vẫn có một quán cà phê lộ thiên. Ngoại trừ ba chàng lơ xe và tài xế, thì tôi và anh Ân là hai người duy nhất trong số hành khách xuống xe. Quán vỉa hè nên bàn ghế được kê ngoài đường, ngay trước cửa một ngôi nhà hai tầng có cửa sắt kéo ráp vào nhau. Cửa mở, cho thấy đây là ga ra của căn nhà được bày biện qua loa thành một quán cà phê bình dân. Cũng như ngoài đường, đèn đóm bên trong căn nhà mờ mờ với duy nhất một ngọn néon. Ngay ngoài bậc thềm có tủ bán thuốc lá với một ngọn đèn dầu đặt bên trên. Chủ quầy thuốc lá và quán cà phê là một phụ nữ đã đứng tuổi. Chào mời chúng tôi là một cô gái có lẽ là con gái của người phụ nữ trung niên đó. Anh Ân gọi hai ly cà phê đen rồi chúng tôi lại chìm đắm trong câu chuyện của núi đồi Hiệp Đức, còn bàn bên kia thì nhóm tài xế và lơ xe rôm rả kể lể về những gì họ cảm nhận sau chuyến đi dài ngày qua bên kia vĩ tuyến. Không có nụ cười dòn tan của họ thì không khí của ngã tư đường không khác gì cảnh lắng đọng của một phố khuya tịch mịch vì đèn đóm thì mờ ảo mà khách thì chỉ có mấy goe. Không có chiếc xe đồ đậu bên kia đường, không có mấy người thợ của ga ra sửa xe và nếu không có chúng tôi ngồi chờ cà phê thì không hiểu sinh hoạt tại nơi này sẽ trầm lắng đến mức nào!?

-Mời hai chú dùng.

Người đàn bà trung niên vừa nói vừa bày hai ly cà phê xuống bàn và ngay tiếp theo đó thì cô gái cũng bày kê bên một chiếc đĩa nhôm đựng hai điếu thuốc lá. Chúng tôi nhìn cà phê, nhìn hai điếu President đầu lọc,

rồi nhìn bà chủ quán. Không để chúng tôi hỏi, bà mỉm cười:

-Là tôi mời hai chú.

Anh Ân và tôi nhìn nhau nghẹn lời. Chúng tôi chỉ gọi cà phê đen nhưng lại được ưu ái bằng cà phê sữa kèm theo hai điều thuốc thơm thượng hạng. Thấy chúng tôi còn ngần ngại, người phụ nữ nói tiếp:

-Coi như quà mừng hai chú trở về với gia đình thôi mà! Xin đừng ngại.

Chưa kịp hỏi vì sao bà nhận ra được gốc tích của chúng tôi thì đã nhận ngay câu trả lời:

-Hai chú có phong thái không giống những người chủ mới của miền Nam. Ân nói chừng mực, cứ như đang e dè chuyện gì đó. Nhưng cách gọi cà phê thì không thể lầm lẫn được. “Cho chú hai ly cà phê đen nha ... cảm ơn cháu!”. Cả năm nay rồi! Người ta không còn biết tới hai tiếng cảm ơn này nữa! Chỉ cần bấy nhiêu đó thôi cũng đủ cho tôi đoán ra hai chú là ai.

Câu chuyện sau đó là một cuộc “phỏng vấn” bỏ túi khi bà hỏi thăm về sinh hoạt trong trại “cải tạo”, về đơn vị chúng tôi phục vụ trước đây, sau đó phần lớn câu chuyện là để nhắc thời vàng son của thuở Cộng Hòa và sự tán thán về những nhiều nhượng sau cuộc đời nghiệt ngã.

“Ông nhà tôi may mắn xin được về Tiểu Khu sau thời gian phục vụ tại một đơn vị tác chiến, nhưng chưa được bao lâu thì thời thế thay đổi. Trong mấy ngày sau cùng, anh ấy như định không rời đơn vị, không bỏ đồng đội. Những ngày sắp mất Tuy Hoà, thì ở luôn trong Tiểu Khu và chỉ nhờ một người lính mang thư ra nhắn cả nhà tôi cứ theo dòng người chạy loạn mà đi lần vào Sài Gòn rồi gặp nhau tại nhà ba má anh ấy. Chỉ có vậy thôi. Sau đó thì chúng tôi bắt tin nhau. Không có chồng bên

ạnh tôi không biết phải làm sao. Tôi còn đủ cha mẹ, hai đứa con thì đứa lớn là con gái, thằng em nó còn nhỏ dại nên chúng tôi không dám mạo hiểm theo mọi người vào Nam. Cả năm rồi không có chút tin tức nào cả. Hỏi đâu cũng đều nghe câu trả lời là anh ấy đã cùng đơn vị theo tàu hải quân di tản. Nhưng ba má chồng tôi trong Sài Gòn thì nói là anh ấy không có ghé qua nhà. Trông ngóng riết rồi cũng phải buông xuôi để còn lo cho nhà cửa và con cái. May là nhờ chúng tôi có dành dụm chút đỉnh nên cũng còn đắp đổi qua ngày và cái quán này chỉ là cái cớ để chúng nó khỏi dòm ngó. Nhưng cũng căng lắm! Là vì chúng nó ngày một ngày hai cứ kêu đi họp về chuyện giãn dân và kinh tế mới gì đó. Hai ông cụ bà cụ của tôi như định không đi đâu và đã không biết bao nhiêu lần, đám con nít của “ủy ban quân quản” cứ mời lên mời xuống để hỏi về chuyện của ông nhà tôi. Chúng



nó làm như mình che dấu sự thật nên lúc nào cũng có những câu hù dọa đủ điều. Thật là nhức đầu với bọn này ghê nơi!”.

Câu chuyện lẽ ra còn kéo dài nhưng đèn xe đã sửa xong. Chúng tôi chỉ kịp chào từ giã người vợ lính tốt

bụng. Chưa kịp hỏi tên là đã vội theo tài xế và mấy người lơ băng qua bên kia đường.

Mặc dầu được chủ quán mời một chén cà phê mừng ngày hạnh ngộ nhưng khi đứng dậy, anh Ân cũng khéo léo dúi một tờ giấy bạc vào dưới đĩa đựng thuốc lá sau khi nói tiếng cảm ơn. Chúng tôi lại có thêm một đề tài để tạm quên đoạn đường dài xuôi Nam. Dù chỉ mới hai ngày hội nhập trở lại xã hội nhưng chúng tôi cũng đã thấy khá rõ những gì xảy ra trong cảnh tự do tạm bợ mà chúng tôi vừa được hưởng. Câu chuyện của người chủ quán cà phê đã khơi mào cho những đề tài suy diễn và lo nghĩ khác trên suốt lộ trình từ Tuy Hoà về tận ngã ba Ninh Hoà và chỉ chấm dứt khi chúng tôi nôn nao chờ xe vào Nha Trang. Quá nửa đêm, chúng tôi được tài xế chiếc xe đò từ Ban Mê Thuộc chạy về Nha Trang cho quá giang và cũng nhờ anh này mà chúng tôi được xếp hàng đầu tiên ngay trước quầy bán vé về Sài Gòn trong khi rất nhiều người đã mướn chiếu trải đầy sân. Khung cảnh quen thuộc của bến xe làm tôi bồi hồi và nôn nao mặc dù rất muốn nhắm mắt ngủ ngay. Anh Ân chắc cũng vậy, nhưng chúng tôi chỉ nằm yên lặng giữa những tiếng rừ rừ chung quanh mình.

Nhà tù có chòi canh và bộ đội đứng gác đã bỏ lại trên dãy Trường Sơn. Hiện nay là một nhà tù rộng lớn hơn và phức tạp hơn về mọi mặt. Tương lai rồi sẽ ra sao?! với thân phận của một “phó thường dân” và cái lý lịch mang gốc lính của “chế độ cũ”, chúng tôi sẽ làm được gì trong hoàn cảnh của một cuộc đời nghiệt ngã?! Câu trả lời hãy còn ở phía trước! Bây giờ là lúc dỡ giắc để lấy sức cho đoạn đường 450 Km còn lại. “Trở về mái nhà xưa” cái đã. tới đâu hay tới đó. Que sera sera!